

Bản án số: 13/2022/HC-PT

Ngày 10 tháng 01 năm 2022

“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính,  
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý  
đất đai”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công

*Các thẩm phán:*

Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 236/2021/TLPT-HC ngày 12 tháng 4 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2798/2021/QĐPT-HC ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1968 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố 4, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh B;

*Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu phố 3, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2020) – Có mặt;

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh B;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh B;

*Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị xã L và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L:* Ông Võ Văn H<sup>1</sup> – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L (Văn bản ủy quyền số 375/QĐ-UBND ngày 18/3/2020) – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Mậu S - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã L (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Xuân A, sinh năm 1965 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh B;

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Xuân A:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu phố 3, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2020) – Có mặt;

3.2. Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1963 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh B;

3.3. Bà Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh năm 1974 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 02.03 Lô B2 Chung cư An Lộc, phường An Phú, Quận 2 (nay là thành phố T), Thành phố H;

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Lệ H, Nguyễn Thị Quỳnh C:* Ông Đặng Thanh B<sup>1</sup>, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khu phố 4, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh B (các văn bản ủy quyền ngày 24/3/2020 và ngày 25/3/2020) – Có mặt;

3.4. Ủy ban nhân dân phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh B;

*Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường Bình Tân:* Ông Nguyễn Hữu H<sup>2</sup> – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Bình Tân (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

4. *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân thị xã L;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu V và người đại diện của người khởi kiện trình bày:*

Cha mẹ của bà là cụ Nguyễn Xuân M (chết ngày 29/9/2004) và cụ Trần Thị P (chết ngày 19/7/2007) có 04 con là các bà: Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Thị Quỳnh C, Nguyễn Thị Lệ H và Nguyễn Thị Xuân A. Cụ P có mua một thửa đất vườn được Hội đồng giáo xứ Tân Lý chứng thực ngày 02/7/1975 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Tân xác nhận và đồng ý. Cha mẹ của bà V canh tác cho đến năm 1979 -1980 thì đưa đất vào Hợp tác xã Tân Bình I, Hợp tác xã sử dụng đất của cụ P để giao khoán cho các xã viên khác canh tác, nhưng lại không giao khoán đất khác cho cụ P nên cụ P khiếu nại từ năm 1988 đến năm 1994. Đến ngày 09/01/1996 thì Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Bình có bút phê đề nghị Hợp tác xã tạo điều kiện cho hộ cụ P có đất canh tác nên ngày 22/01/1996, Ban quản lý Hợp tác xã thống nhất cấp ruộng diện dự phòng của Đội 8 gồm 02 thửa 17 + 46, tổng diện tích 1.681 m<sup>2</sup> ruộng 2 vụ lúa. Ngày 19/02/1997, Hợp tác xã lập biên bản giao khoán cho cụ P thửa 17, diện tích 660 m<sup>2</sup> và thửa 46, diện tích 1.021 m<sup>2</sup> (nay là thửa 06, diện tích 694 m<sup>2</sup> và thửa 08, diện tích 1.127 m<sup>2</sup>), gia đình cụ P canh tác đất trong 3 năm 1997, 1998 và 1999, sau vì hoàn cảnh gia đình nên nhờ nhóm tình nguyện của Giáo xứ Tân Lý canh tác giúp gồm: Ông Bùi Nhật Hạnh từ năm 2000 đến năm 2002; Ông Nguyễn Nhiệm năm 2003-2004; ông Nguyễn Văn Lộc năm 2005 và bà Nguyễn Thị Đức năm 2006-2007. Ngày 17/7/2006, cụ P đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 06, diện tích 694 m<sup>2</sup> và thửa 08, diện tích 1.127 m<sup>2</sup> nhưng Ủy ban nhân dân thị xã L có Thông báo số 17/TB-UBND ngày 22/02/2007 không chấp nhận vì cho rằng đất này thuộc quỹ đất 5% công ích. Cụ P tiếp tục khiếu nại thì Ủy ban nhân dân thị xã L ban hành Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 12/7/2007 (*Tạm viết tắt Quyết định số 986*) giải quyết khiếu nại lần đầu không chấp nhận khiếu nại của cụ P và giao cho Ủy ban nhân dân phường Bình Tân tiếp tục quản lý 02 thửa đất trên theo Điều 74 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Ngày 19/7/2007 thì cụ P chết, các con của cụ P tiếp tục quản lý sử dụng đất và nhiều lần đăng ký quyền sử dụng đất nhưng không được chấp nhận nên tiếp tục khiếu nại thì Ủy ban nhân dân thị xã L ban

hành văn bản số 3262/UBND-NC ngày 26/12/2019 (*Tạm viết tắt Công văn số 3262*) trả lời khẳng định Quyết định số 986 đã không chấp thuận đơn khiếu nại của cụ P nên không có cơ sở, căn cứ để xem xét giải quyết.

Quyết định số 986 và Công văn số 3262 cho rằng các thửa đất trên thuộc quỹ đất công ích là có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định pháp luật đất đai qua các thời kỳ theo điểm a mục 3 Chỉ thị số 29/CT-TW ngày 26/12/1977 của Ban chấp hành Trung ương Đảng; Chỉ thị số 100-CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư; Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 05/4/1988 của Bộ Chính trị; Điều 114 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Điều 14 Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 10, Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 986 và Công văn số 3262; Công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà V và buộc Ủy ban nhân dân thị xã L thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 06, diện tích 694 m<sup>2</sup> (đo thực tế là thửa 01, diện tích 723,9 m<sup>2</sup>) và thửa 46, diện tích 1.021 m<sup>2</sup> (đo thực tế là thửa 02, diện tích 890,6 m<sup>2</sup>) tọa lạc Khu phố 5, phường Bình Tân, thị xã L cho gia đình bà Nguyễn Thị Thu V.

*Tại văn bản số 1788/UBND-Ttra ngày 06/7/2020 và Công văn số 2265/UBND-Ttra ngày 25/8/2020 của người bị kiện, Ủy ban nhân dân thị xã L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L trình bày:*

Quyết định số 986 đã được giao cho người khiếu nại vào ngày 17/7/2007. Đến nay quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và không còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Đối với nội dung yêu cầu công nhận thửa đất 06, diện tích 694 m<sup>2</sup> và thửa 17, diện tích 660 m<sup>2</sup> tờ bản đồ 26 tọa lạc Khu phố 5, phường Bình Tân, thị xã L: Việc này không thể xem xét công nhận vì đất thuộc quỹ đất công ích.

Đối với nội dung yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã L thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà V thửa đất 06, diện tích 694 m<sup>2</sup> và thửa 17, diện tích 660 m<sup>2</sup> tờ bản đồ 26 tọa lạc Khu phố 5, phường Bình Tân, thị xã L: Không có cơ sở xem xét vì cho đến nay Ủy ban nhân dân thị xã L chưa nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà V.

Công văn số 3262 chỉ là thông báo cho người gửi đơn biết việc giải quyết của mình, không phải là quyết định hành chính (theo quy định tại Điều 3 Luật tố tụng hành chính), nên không phải là đối tượng để người khởi kiện được quyền khởi kiện.

Việc khởi kiện và thụ lý vụ án là không đảm bảo nên đề nghị đình chỉ việc xét xử vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 123 và điểm h khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuân A do người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thanh B trình bày:* Thống nhất yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ H và bà Nguyễn Thị Quỳnh C do người đại diện hợp pháp là ông Đặng Thanh B<sup>1</sup> trình bày:* Thống nhất yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường Bình Tân trình bày:* Theo Bản đồ địa chính được Bộ Quốc Phòng đo vẽ năm 1999-2000 do Ủy ban nhân dân phường Bình Tân quản lý thì thửa đất số 01, diện tích 723,9 m<sup>2</sup> là

thửa đất số 06, tờ bản đồ địa chính số 26 và thửa đất số 02, diện tích 890,6m<sup>2</sup> là thửa đất số 08, tờ bản đồ địa chính số 26 đều quy chủ trong Sổ mục kê là Ủy ban nhân dân xã Tân Bình. Thửa đất số 01, thửa đất số 02 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Dịch vụ Khảo sát và Đo đạc HTB đo đạc ngày 29/7/2020 và các thửa đất số 06, số 17 mà bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện có cùng vị trí.

Nguồn gốc đất do Nhà nước quản lý giao cho Hợp tác xã sử dụng, sau khi Hợp tác xã không còn sử dụng nữa thì giao lại cho Nhà nước quản lý. Do qua nhiều thời kỳ quản lý nên hiện nay Ủy ban nhân dân phường Bình Tân chưa tìm thấy hồ sơ Đại hội xã viên khi Hợp tác xã Tân Bình I giải thể, liên quan đến 02 thửa đất trên. Đối với tài liệu, chứng từ thu chi số tiền cho thuê đất theo Hợp đồng cho thuê đất số 3 ngày 27/5/2015 của Ủy ban nhân dân phường Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 72 Luật Đất đai năm 2013. Số tiền này đã nộp vào ngân sách của Ủy ban nhân dân phường Bình Tân.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 22 Luật Đất đai năm 1993; Điều 51 Luật Đất đai năm 2003; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Các điều 19, 20, 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 3 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Luật Khiếu nại năm 1998, Luật Khiếu nại năm 2011; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện:

- Hủy Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 12/7/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu về lĩnh vực quản lý đất đai của bà Trần Thị P.

- Hủy Văn bản số 3262/UBND-NC ngày 26/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L về việc trả lời đơn thư cho công dân

- Buộc người có thẩm quyền ban hành Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 12/7/2007 và Văn bản số 3262/UBND-NC ngày 26/12/2019 thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V về việc buộc Ủy ban nhân dân thị xã L công nhận và thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 01, diện tích 658,7 m<sup>2</sup> và thửa đất số 02, diện tích 890,6 m<sup>2</sup> theo Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Dịch vụ Khảo sát và Đo đạc HTB cung cấp; quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/02/2021, Ủy ban nhân dân thị xã L có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là không đúng quy định của pháp luật, vì Công văn số 3262 không phải là đối tượng được khởi kiện vụ án hành chính; một người con khác của cụ P là bà Nguyễn Thị Quỳnh C đã khởi kiện Quyết định số 986

thì Tòa án nhân dân tỉnh B cũng đã ban hành Quyết định phúc thẩm số 01/2008/QĐ-HCPT ngày 31/01/2008 đình chỉ việc giải quyết vụ án.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Ông Nguyễn Thanh B là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Xuân A đề nghị bác kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì các lý do sau: Công văn số 3262 đã khẳng định có liên quan đến đất bà V khiếu nại có Quyết định số 986 nên Công văn số 3262 có ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà V, là đối tượng được khởi kiện vụ án hành chính; Đất là của chung của cụ M với cụ P, thời điểm cụ P khiếu nại thì cụ M đã chết nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các con của cụ M gồm các bà: V, A, H, C nhưng Ủy ban nhân dân thị xã L không tổng đạt Quyết định số 986 cho những người có liên quan đến khiếu nại của cụ P là các bà: V, A, H, C. Cho đến năm 2019 thì bà V mới biết Quyết định số 986 nên bà V kiện Quyết định số 986 là còn thời hiệu; Phần đất đã giao cho cụ P không phải là đất do Nhà nước quản lý mà là ruộng dự phòng của Hợp tác xã, cho đến nay vẫn chưa xác định được đất do Nhà nước quản lý. Cụ P đã khiếu nại liên tục nên đã được cấp đất từ quỹ đất dự phòng của Hợp tác xã cho cụ P canh tác từ năm 1996 liên tục đến nay; Biên bản giải thể Hợp tác xã cũng thống nhất cấp đất này cho cụ P; Bà V không biết việc bà C đã kiện Quyết định số 986.

Ông Đặng Thanh B<sup>1</sup> là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Lệ H, bà Nguyễn Thị Quỳnh C thống nhất ý kiến của ông Nguyễn Thanh B, đề nghị bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thị xã L và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Tòa án nhân dân tỉnh B đã có quyết định phúc thẩm đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đối với việc bà C khởi kiện Quyết định số 986, nên sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thị xã L, sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà V đối với Công văn số 3262, Quyết định số 986 và đình chỉ giải quyết khởi kiện của bà V yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã L công nhận và thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 01, diện tích 658,7 m<sup>2</sup> và thửa đất số 02, diện tích 890,6 m<sup>2</sup>.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã L đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, người kháng cáo Ủy ban nhân dân thị xã L có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L, Ủy ban nhân dân phường Bình Tân có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt; Các bà: Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Thị Xuân A, Nguyễn Thị Lệ H và Nguyễn Thị Quỳnh C vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa, nên theo quy định tại khoản 2 khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Công văn số 3262 sau khi nêu lại nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thu V thì trả lời nội dung như sau: *“Liên quan đến phần đất mà bà Nguyễn Thị Thu V kiến nghị, trước đây UBND thị xã L đã ban hành Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày*

*12/7/2007 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu về lĩnh vực quản lý đất đai của bà Trần Thị P (mẹ của bà V) với kết quả không chấp thuận đơn khiếu nại của bà P. Đến nay, Quyết định này vẫn còn hiệu lực pháp luật, do đó, UBND thị xã không giải quyết nội dung đề nghị của bà”.*

Như vậy, Công văn số 3262 không giải quyết nội dung đề nghị của bà Nguyễn Thị Thu V, nên Công văn này không có nội dung làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, cũng không phải là quyết định giải quyết khiếu nại nên không thuộc đối tượng được khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính và hướng dẫn tại mục 4 Phần III Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao. Bản án sơ thẩm nhận định Công văn số 3262 chứa đựng nội dung giải quyết khiếu nại, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu V, từ đó xác định Công văn số 3262 là quyết định hành chính bị kiện. Nhận định trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng với quy định của pháp luật đã viện dẫn trên.

[3] Vào ngày 17/7/2007, Ủy ban nhân dân thị xã L đã tổng đạt Quyết định số 986 cho ông Nguyễn Văn C<sup>1</sup> (là người đại diện hợp pháp của cụ Trần Thị P theo Hợp đồng ủy quyền ngày 24/4/2007).

Ngày 19/7/2007, cụ Trần Thị P chết.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Ủy ban nhân dân thị xã L chỉ giao Quyết định số 986 cho ông Nguyễn Văn C<sup>1</sup> mà không chứng minh được đã giao Quyết định số 986 cho những người có liên quan đến nội dung mà cụ Trần Thị P khiếu nại, gồm các bà: Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Thị Xuân A, Nguyễn Thị Lệ H và Nguyễn Thị Quỳnh C. Đến ngày 19/11/2019, bà Nguyễn Thị Thu V đại diện hàng thừa kế của cụ Trần Thị P kiến nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân thị xã L mới ban hành Công văn số 3262 và đến thời điểm này (ngày 26/12/2019) bà Nguyễn Thị Thu V mới được biết Quyết định số 986, từ đó xác định vào ngày 12/02/2020, bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 986 là còn thời hiệu khởi kiện.

Nhận định trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng, vì Ủy ban nhân dân thị xã L đã tổng đạt Quyết định số 986 cho người đại diện hợp pháp của người khiếu nại (cụ Trần Thị P) và tại thời điểm tổng đạt Quyết định số 986 thì cụ P vẫn còn sống, chưa phát sinh người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Trần Thị P, nên Ủy ban nhân dân thị xã L không có nghĩa vụ phải tổng đạt Quyết định số 986 cho những người thừa kế của cụ Trần Thị P. Mặt khác, vào tháng 9/2007 bà Nguyễn Thị Quỳnh C là một trong những người thừa kế của cụ Trần Thị P đã khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 986 và Tòa án nhân dân thị xã L ban hành Quyết định số 06/2007/QĐHC-ST ngày 19/11/2007 đình chỉ giải quyết vụ án. Bà Nguyễn Thị Quỳnh C kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh B đã ban hành Quyết định số 01/2008/QĐ-HCPT ngày 31/01/2008 giữ nguyên Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 06/2007/QĐHC-ST ngày 19/11/2007 của Tòa án nhân dân thị xã L. Cho đến nay, các quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên vẫn đang có hiệu lực pháp luật.

Do vậy, ngày 12/02/2020 bà Nguyễn Thị Thu V (cũng là con của cụ Trần Thị P) tiếp tục khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 986 là đã hết thời hiệu khởi kiện và việc khiếu kiện đối với Quyết định 986 cũng đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật.

[4] Tòa án nhân dân tỉnh B đã thụ lý, giải quyết vụ án hành chính đối với Công văn số 3262 là văn bản hành chính không thuộc đối tượng được khởi kiện vụ án hành chính và Quyết định số 986 đã hết thời hiệu khởi kiện, đồng thời đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật là không đúng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng hành chính và mục 4 phần III Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2019 của Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thị xã L, hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án về phần này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị sửa Bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Ủy ban nhân dân thị xã L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu V tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm.

[6] Quyết định của Bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V (*Về việc buộc Ủy ban nhân dân thị xã L công nhận và thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 01, diện tích 658,7 m<sup>2</sup> và thửa đất số 02, diện tích 890,6 m<sup>2</sup> theo Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Dịch vụ Khảo sát và Đo đạc HTB cung cấp*) không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 4 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thị xã L;

Hủy một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B và đình chỉ giải quyết vụ án đối với khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V yêu cầu hủy Công văn số 3262/UBND-NC ngày 26/12/2019 của Ủy ban nhân dân thị xã L và yêu cầu hủy Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 12/7/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L.

Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ các trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại các điểm b, c và e khoản 1 Điều 123, điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 143 của Luật này và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân thị xã L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thị xã L tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0007266 ngày 18/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu V tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0007203 ngày 24/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V (*Về việc buộc Ủy ban nhân dân thị xã L công nhận và thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 01, diện tích 658,7 m<sup>2</sup> và thửa đất số 02, diện tích 890,6 m<sup>2</sup> theo Trích đo bản đồ vị trí khu*

*đắt tranh chấp do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Dịch vụ Khảo sát và Đo đạc HTB cung cấp)* không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**



